



gāo lóu

高楼

noun · tall building; skyscraper

Example Sentences

chéng shì lǐ yǒu hěn duō gāo lóu

城市里有很多高楼。

There are many tall buildings in the city.

tā zhù zài gāo lóu dǐng céng

他住在高楼顶层。

He lives on the top floor of a tall building.

Trace each character, then write the word on your own.

高	高	高	高	高	高	高	高	高	高	高
高	高									

楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼
楼	楼	楼	楼	楼						

